

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/01/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2023/QĐXX-ST ngày 20/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

HKTT: Số 100A Ngọc L, phường Ngọc L, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Chỗ ở: Nhà số 6 ngõ 66 Ngọc L, phường Ngọc L, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Đặng Khuê V, sinh năm 1984

HKTT: Số 100A Ngọc L, phường Ngọc L, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 1 đội 28 Trại giam Thanh X, xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội.

(Chị T, anh V đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Khuê V kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/10/2008 tại UBND phường Ngọc L, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận đến đầu năm 2014 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm, lối sống không phù hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi

và khoảng tháng 8/2014 anh V dùng dao đâm vào đầu chị khiến chị phải đi viện điều trị nhưng vì thương con còn nhỏ nên chị đã không làm đơn trình báo công an và tha thứ cho anh V để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn khi anh V tiếp tục cầm dao đe dọa giết chị. Chị và con gái luôn sống trong lo sợ, bất an. Do vậy, hai mẹ con đã dọn ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai từ thời điểm đó. Đến năm 2022 chị được biết anh V vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử 36 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản. Anh V hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh X. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin được ly hôn với anh Đặng Khuê V.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đặng Diễm M, sinh ngày 18/11/2009. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi trực tiếp con chung, do anh V đang phải chấp hành án nên không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Đặng Khuê V có lời khai trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/10/2008 tại UBND phường Ngọc L, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh. Tuy nhiên, cuộc sống có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên tháng 8/2020 cả hai không còn chung sống với nhau và sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Ngày 06/6/2022, anh bị bắt tạm giam, ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử tại bản án số 79/2023 HSST xét xử 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Anh hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh X. Vợ chồng anh cũng đã sống ly thân và chấm dứt hoàn toàn quan hệ tình cảm kể từ tháng 8/2020 đến nay. Từ ngày anh bị bắt tạm giam chị T cũng không thăm gặp, không quan tâm gì đến anh. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đặng Diễm M, sinh ngày 18/11/2009. Khi ly hôn anh V đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, khi nào có điều kiện anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T, anh V đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên lời khai đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh chị thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đặng Diễm M, sinh ngày 18/11/2009. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, do anh V đang phải chấp hành án nên không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con, yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Về tài sản và nợ chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xét. Các đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn anh Đặng Khuê V gửi Tòa án nhân dân quận Long Biên. Anh V có hộ khẩu thường trú tại: Số 100A Ngọc L, phường Ngọc L, quận Long Biên, TP. Hà Nội, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh X, thành phố Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Khuê V đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Chị T, anh V.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Khuê V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2008 tại UBND phường Ngọc L, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh V có hành vi bạo lực gia đình với chị T khiến chị và con luôn sống trong sợ hãi. Tháng 8/2020 chị T và con gái đã dọn ra ngoài ở, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau và sống ly thân từ đó. Ngày 06/6/2022 anh V bị bắt tạm giam, ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử anh V 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Anh hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh X. Nay, cả hai anh

chị đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị T xin ly hôn, anh V đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn của chị T, anh V đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh V đồng ý nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh V có 01 con chung là Đặng Diễm M, sinh ngày 18/11/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con vì anh V hiện đang chấp hành án, không có điều kiện đóng góp. Anh V đồng ý để chị T nuôi con, cháu Đặng Diễm M là con chung của anh chị có lời khai đề nghị được ở với mẹ vì vậy việc giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của con. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con của anh V cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có bản án, quyết định khác thay thế.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Khuê V.

2. Về con chung: Chị T, anh V có 01 con chung là Đặng Diễm M, sinh ngày 18/11/2009. Khi ly hôn, giao chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có Bản án, quyết định khác thay thế.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T, anh V không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên lai số 0018286 ngày 08 tháng 11 năm 2023, nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị T, anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND phường Ngọc L, quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Loan